

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tam Đường**

Thực hiện Kế hoạch số 1491/KH-UBND, ngày 23/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về thực hiện Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch của tỉnh về thực hiện Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để tổ chức thực hiện.

#### 2. Yêu cầu

- Phát triển cây công nghiệp chủ lực gắn với việc thực hiện các đề án, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của trung ương, của tỉnh, của huyện và phù hợp với tình thực tế của các xã, thị trấn.

- Huy động các nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp chủ lực.

### II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

#### 1. Mục tiêu

Phát triển bền vững cây công nghiệp chủ lực theo hướng hàng hóa, gắn sản xuất với phát triển công nghiệp chế biến, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

#### 2. Các chỉ tiêu chính

- Sản xuất: Giữ ổn định và đầu tư thâm canh diện tích chè khoảng 2.236 ha, sản lượng chè búp tươi, đạt trên 22.360 tấn/năm. Đến năm 2030, có khoảng 700

ha chè sản xuất an toàn: VietGap, hữu cơ, RA... (Bản Bo 400 ha, Nà Tăm 30 ha, Khun Há 200 ha, Bản Giang 20ha, Thèn Sin 30 ha, Sơn Bình 20 ha); 100% diện tích chè sản xuất tập trung được quản lý, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc.

- Chế biến, thị trường: Đến năm 2030, cơ cấu sản phẩm chế biến chè đen dưới 20%, chè xanh trên 80%; tỷ lệ chế biến sâu trên 10% sản lượng chè của huyện; sản lượng chè xuất khẩu trực tiếp khoảng 45%, xuất khẩu ủy thác khoảng 40%, tiêu thụ nội tiêu khoảng 15%.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Quyết định số 1748/QĐ-TT; Kế hoạch số 1491/KH-UBND, ngày 23/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về thực hiện Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; các Nghị quyết về phát triển hàng hóa tập trung của tỉnh, huyện đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức viên chức lao động và nhân dân góp phần nâng cao nhận thức, hành động.

#### **2. Tập huấn, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ**

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp áp dụng vào sản xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn an toàn theo yêu cầu của thị trường (VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, tiêu chuẩn xuất khẩu...); khuyến khích ứng dụng quy trình canh tác bền vững, hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; tăng cường sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, vi sinh; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPHM); tập trung đầu tư thâm canh, đẩy mạnh cơ giới hóa; xây dựng các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, mô hình nông nghiệp tuần hoàn... gắn với cấp mã số vùng trồng.

- Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến đổi mới công nghệ sản xuất, tăng cường chế biến sâu, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đưa kinh tế số vào chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Đẩy mạnh đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm cây công nghiệp chủ lực của huyện.

#### **3. Tổ chức sản xuất**

- Đầu tư thâm canh, tăng năng suất, chất lượng diện tích cây chè hiện có. Rà soát những diện tích cây chè già cỗi, kém hiệu quả để chuyển đổi sang trồng cây trồng khác có giá trị cao hơn hoặc tiếp tục trồng tái canh, sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn.

- Tiếp tục thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng trồng nguyên liệu đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, ưu tiên hỗ trợ

thành lập mới và nâng cao năng lực hoạt động là cầu nối doanh nghiệp với hộ gia đình để phát triển cây công nghiệp chủ lực.

- Thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ phát triển hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên hợp tác xã sản xuất cây công nghiệp chủ lực để xây dựng mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất.

- Đối với hộ gia đình sản xuất cây công nghiệp chủ lực, cần liên kết với doanh nghiệp thông qua hợp tác xã và tổ hợp tác để sản xuất cây công nghiệp chủ lực tại các vùng tập trung, gắn với tiêu thụ sản phẩm.

#### **4. Chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm**

- Tiếp tục khuyến khích đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm chế biến chè như: Chè Ôlong, chè túi lọc, chè bột Matcha, chè đỏ (Hồng trà), chè ép bánh, chè thảo dược, chè đóng chai... và các sản phẩm chè làm nguyên phụ liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, mỹ phẩm, y tế... phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung xây dựng thương hiệu sản phẩm, gắn với chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng; hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá, kết nối sản phẩm vào hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại của các tỉnh, thành phố; tham gia các gian hàng trên sàn thương mại điện tử; tham gia các hội nghị, hội thảo, chương trình kết nối giao thương, chương trình kết nối cung cầu hàng hóa... nhằm kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với hệ thống phân phối, doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp tổ chức các chương trình quảng bá sản phẩm, tháo gỡ rào cản thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Đối với các sản phẩm chè, duy trì các thị trường xuất khẩu truyền thống (Pakistan, Trung Quốc, Nga, Indonesia...), định hướng phát triển các thị trường tiềm năng như: Các nước thuộc EU, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc,...

#### **5. Về cơ chế chính sách và nguồn lực**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh; phối hợp tập trung nguồn lực hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất ban hành chính đặc thù hỗ trợ để nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư chế biến sâu, xây vùng sản xuất được chứng nhận VietGap, RA, hữu cơ, cấp mã số vùng trồng cho các sản phẩm chè.

- Sử dụng lồng ghép vốn từ các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan, nguồn tài trợ, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này.

## **6. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, tập trung rà soát, xác định rõ các vùng sản xuất tập trung để chỉ đạo cụ thể hóa bằng các kế hoạch, chương trình, dự án theo chuỗi giá trị, nâng cao năng xuất, chất lượng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Tăng cường chỉ đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt công tác kiểm tra hoạt động buôn bán vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, đặc biệt là thuốc bảo vệ thực vật...), việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này. Kiểm tra, đánh giá, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện; tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo theo quy định.

- Phối hợp hoàn thiện hồ sơ, đề nghị cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp, nông dân áp dụng các tiêu chuẩn quy chuẩn an toàn theo yêu cầu của thị trường (VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, tiêu chuẩn xuất khẩu...), ứng dụng quy trình canh tác bền vững, hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; tăng cường sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, vi sinh; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPHM) vào sản xuất.

- Phối hợp công tác quản lý nhà nước đảm bảo chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như: Giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

### **2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động khuyến công nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất đầu tư máy móc thiết bị tiến tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá, kết nối đưa các sản phẩm nông sản của huyện vào hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa trên không gian số, tham gia các sàn thương mại điện tử,...

- Chủ động nắm bắt thông tin về thị trường, tiêu chuẩn chất lượng của thị trường trong nước và các nước nhập khẩu để phổ biến, thông tin đến các doanh

nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn biết và có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, tiêu thụ xây mã số, mã vạch, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm; chuyển giao ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường.

### **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện thu hút đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, chế biến; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao.

- Tổng hợp, tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí và lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn huyện để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch theo đúng quy định.

### **4. UBND các xã, thị trấn**

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng Kế hoạch thực hiện Kế hoạch này đảm bảo phù hợp; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Vận động nhân dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp trên địa bàn đảm bảo đạt mục tiêu của Kế hoạch; hướng dẫn bên sản xuất thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp đảm bảo hiệu quả kinh tế, ổn định sinh kế, đúng quy hoạch.

- Tiếp tục khuyến khích thu hút, đồng hành cùng các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với người dân đầu tư phát triển sản xuất và chế biến sâu các sản phẩm từ chè, hình thành chuỗi liên kết có giá trị kinh tế cao.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn quy trình kỹ thuật, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, đảm bảo chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như thuốc bảo vệ thực vật, phân bón... trên địa bàn; quản lý, kiểm tra điều kiện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thực phẩm của các cơ sở chế biến chè theo phân cấp.

### **5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể huyện**

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia, thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng

tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với các phòng, ban có liên quan nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của hội viên, đoàn viên để kịp thời giải quyết, góp phần thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho đoàn viên, hội viên và người dân.

- Tăng cường giám sát, phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh chè với các cơ quan chức năng để xử lý theo quy định.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và PTNT (B/c);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phong Vĩnh Cường**